



**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng
Vinaconex-PVC**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010

VINACONEX - PVC

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0103015409 ngày 15/1/2007
0102141289 ngày 27/5/2010

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Sơn	Chủ tịch
Ông Trương Quốc Dũng	Thành viên
Ông Phan Đình Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Hiền	Thành viên
Ông Vũ Bá Đạt	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Danh Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, tòa nhà CT3-3
Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
Huyện Từ Liêm, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC

Chúng tôi đã tiến hành soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và báo cáo kết quả kinh doanh riêng, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ trên các kết quả soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này trong báo cáo kiểm toán ngày 6 tháng 3 năm 2010. Ngoài ra, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 và các thuyết minh có liên quan được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này trong báo cáo soát xét ngày 16 tháng 7 năm 2009 đã đưa ra kết luận là không nhận thấy có sự kiện nào để họ cho rằng các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện soát xét để thu thập các bằng chứng ở mức độ trung bình xem liệu các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc phỏng vấn nhân sự của Công ty, chủ yếu với bộ phận nhân sự phụ trách các vấn đề tài chính và kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán, vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 10-02-052



Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Hà Nội,

12 -08- 2010

VINACONEX - PVC

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		429.511.544.304	176.533.426.716
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	88.215.622.758	49.963.944.056
Tiền	111		3.070.072.937	860.660.723
Các khoản tương đương tiền	112		85.145.549.821	49.103.283.333
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4	270.376.660.540	80.345.706.694
Phải thu khách hàng	131		23.925.732.568	24.812.298.368
Trả trước cho người bán	132		146.080.174.046	23.002.285.915
Các khoản phải thu khác	135		100.370.753.926	32.531.122.411
Hàng tồn kho	140	5	62.818.860.796	28.320.790.304
Hàng tồn kho	141		62.818.860.796	28.320.790.304
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.100.400.210	17.902.985.662
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.915.774	30.319.761
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.902.987.977	38.371.666
Tài sản ngắn hạn khác	154		2.107.496.459	17.834.294.235
Tài sản dài hạn	200		103.487.575.386	32.851.503.423
Tài sản cố định	220		53.928.124.399	20.278.124.429
Tài sản cố định hữu hình	221	6	39.782.962.870	20.253.685.204
<i>Nguyên giá</i>	222		42.496.795.819	20.879.633.914
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.713.832.949)	(625.948.710)
Tài sản cố định vô hình	227	7	54.130.548	24.439.225
<i>Nguyên giá</i>	228		83.600.000	43.600.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(29.469.452)	(19.160.775)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	14.091.030.981	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	33.500.000.000	-
Đầu tư vào công ty con	251		14.500.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		19.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		16.059.450.987	12.573.378.994
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	16.059.450.987	12.573.378.994
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		532.999.119.690	209.384.930.139

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		478.081.012.212	176.763.158.579
Nợ ngắn hạn	310		417.165.086.331	171.085.280.489
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	48.282.859.015	13.447.812.846
Phải trả người bán	312	13	61.411.660.707	45.955.442.755
Người mua trả tiền trước	313		301.837.262.810	102.549.678.829
Thuế phải nộp Nhà nước	314	14	816.510.928	1.214.834.525
Phải trả người lao động	315		1.424.253.083	68.460.945
Chi phí phải trả	316		332.360.000	6.386.460.780
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		3.022.725.779	1.462.589.809
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		37.454.009	-
Nợ dài hạn	330		60.915.925.881	5.677.878.090
Vay dài hạn	334	15	60.915.925.881	5.677.878.090
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.918.107.478	32.621.771.560
Vốn chủ sở hữu	410		54.918.107.478	32.621.771.560
Vốn cổ phần	411	16	50.000.000.000	30.056.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	417		205.261.725	-
Quỹ khác	419		128.288.578	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.584.557.175	2.565.771.560
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		532.999.119.690	209.384.930.139

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Hạnh

Người duyệt:



Hoàng Anh Tú
Kế toán trưởng



Trương Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

12 -08- 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	17	99.541.227.819	5.473.039.976
Giá vốn hàng bán	11	18	(87.260.210.978)	(5.797.246.607)
Lợi nhuận/(lỗ) gộp	20		12.281.016.841	(324.206.631)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.533.051.144	77.926.735
Chi phí tài chính	22	20	(2.198.413.049)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7.848.242.953)	(1.302.694.827)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.767.411.983	(1.548.974.723)
Kết quả từ các hoạt động khác	40		8.507.920	(5.584.238)
Thu nhập khác	31		10.220.908	-
Chi phí khác	32		(1.712.988)	(5.584.238)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		4.775.919.903	(1.554.558.961)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	(1.193.979.976)	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	60		3.581.939.927	(1.554.558.961)

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Hạnh

Người duyệt:



Hoàng Anh Tú
Kế toán trưởng

12 -08- 2010



Trương Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chứa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	10.500.000.000	-	-	(1.692.568.271)	8.807.431.729
Vốn góp cổ phần	25.556.000.000	-	-	-	25.556.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.258.339.831	4.258.339.831
Điều chỉnh giảm (Thuyết minh 16)	(6.000.000.000)	-	-	-	(6.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	30.056.000.000	-	-	2.565.771.560	32.621.771.560
Vốn góp cổ phần	19.944.000.000	-	-	-	19.944.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.581.939.927	3.581.939.927
Phân bổ vào các quỹ	-	205.261.725	128.288.578	(333.550.303)	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(1.050.000.000)	(1.050.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(179.604.009)	(179.604.009)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	50.000.000.000	205.261.725	128.288.578	4.584.557.175	54.918.107.478

Người lập:

Kim Hạnh

Nguyễn Thị Kim Hạnh

Người duyệt:

Hoàng Anh Tú

Hoàng Anh Tú
Kế toán trưởng



Trương Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

12-08-2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		4.775.919.903	(1.554.558.961)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.895.948.126	112.671.507
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.533.051.144)	(77.926.735)
Chi phí lãi vay	06		2.198.413.049	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.337.229.934	(1.519.814.189)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(180.168.772.381)	(13.994.976.561)
Biến động hàng tồn kho	10		(34.498.070.492)	(4.536.966.878)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		210.210.594.498	21.349.765.347
Biến động chi phí trả trước	12		(59.596.013)	(111.393.995)
			4.821.385.546	1.186.613.724
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.198.413.049)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.247.268.810)	-
Tiền chi từ các quỹ	16		(142.150.000)	-
Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh	20		1.233.553.687	1.186.613.724
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(42.032.020.089)	(1.518.321.600)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(33.500.000.000)	-
Lãi tiền gửi nhận được	27		2.533.051.144	-
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(72.998.968.945)	(1.518.321.600)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
(tiếp theo)**

	Mã Thuyết số minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	19.944.000.000	4.500.000.000	
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	104.973.955.424	-	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.900.861.464)	-	
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40	110.017.093.960	4.500.000.000	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	38.251.678.702	4.168.292.124	
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	49.963.944.056	2.643.935.964	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	88.215.622.758	6.812.228.088

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Hạnh

Người duyệt:



Hoàng Anh Tú
Kế toán trưởng



Trương Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

12 -08- 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình điện đến 35 KV, trang trí nội thất, ngoại thất công trình;
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán ô tô và máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán dụng cụ, công cụ, thiết bị hỗ trợ, cứu nạn;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô, cho thuê xe;
- Trồng và bán cây xanh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô; và
- Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, vật tư, vật liệu ngành xây dựng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có 307 nhân viên (31/12/2009: 260 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Các báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn về việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau.

Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 trong việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị được đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 - 7 năm
▪ phương tiện vận tải	9 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 4 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Thương hiệu nhượng quyền

Thương hiệu nhượng quyền phản ánh giá trị thương hiệu "Vinaconex" nhận được từ Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam ("Vinaconex") theo một hợp đồng li-xăng ký giữa hai bên với thời hạn 20 năm. Thương hiệu nhượng quyền được ghi nhận là chi phí trả trước, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong hệ thống kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính riêng này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	1.673.059.025	114.289.053
Tiền gửi ngân hàng	1.397.013.912	746.371.670
Các khoản tương đương tiền	85.145.549.821	49.103.283.333
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.215.622.758	49.963.944.056

Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu thương mại có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu từ một cổ đông		
Thương mại	13.620.554.300	5.374.350.000
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	4.919.175.476	15.862.376.277

Các khoản phải thu thương mại từ một cổ đông và các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng cho các đội trưởng đội thi công (*)	100.214.517.140	32.531.122.411
Phải thu Công đoàn phí	156.236.786	-
	100.370.753.926	32.531.122.411

(*) Đây là các khoản tạm ứng cho đội trưởng các đội thi công để thực hiện các hạng mục công trình chưa hoàn thành của Công ty. Các khoản tạm ứng này sẽ được quyết toán với Công ty sau khi theo tiến độ hoàn thành của các hạng mục thi công.

5. Hàng tồn kho

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Công cụ và dụng cụ	73.323.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	62.745.537.796	28.320.790.304
	62.818.860.796	28.320.790.304

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	369.238.094	18.704.846.608	1.702.005.785	103.543.427	20.879.633.914
Tăng trong kỳ	171.454.545	21.031.937.516	201.363.654	212.406.190	21.617.161.905
Số dư cuối kỳ	540.692.639	39.736.784.124	1.903.369.439	315.949.617	42.496.795.819
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	36.223.928	408.807.208	125.257.285	55.660.289	625.948.710
Khấu hao trong kỳ	31.547.967	1.933.834.626	92.843.945	29.657.701	2.087.884.239
Số dư cuối kỳ	67.771.895	2.342.641.834	218.101.230	85.317.990	2.713.832.949
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	333.014.166	18.296.039.400	1.576.748.500	47.883.138	20.253.685.204
Số dư cuối kỳ	472.920.744	37.394.142.290	1.685.268.209	230.631.627	39.782.962.870

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 29.009 triệu VND (31/12/2009: 16.897 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	43.600.000
Tăng trong kỳ	40.000.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	83.600.000
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	19.160.775
Khấu hao trong kỳ	10.308.677
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	29.469.452
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	24.439.225
Số dư cuối kỳ	54.130.548
	<hr/>

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tăng trong kỳ và số dư cuối kỳ	14.091.030.981	-
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đầu tư tài chính dài hạn:		
▪ vào các công ty con	14.500.000.000	-
▪ vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với		-
(a) Công ty TNHH Thành phố Xanh	15.000.000.000	-
(b) Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà Toàn Cầu	4.000.000.000	-
	<hr/>	
	33.500.000.000	-
	<hr/>	

- (a) Đây là khoản tạm ứng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty TNHH Thành phố Xanh. Theo hợp đồng này, một pháp nhân mới sẽ được thành lập để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu chung cư tại phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Vinaconex-PVC sẽ góp vốn trị giá tương đương 5.992.500 Đô la Mỹ vào dự án này.
- (b) Đây là khoản tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà Toàn Cầu (“SDTC”) để đầu tư vào Dự án Khu đô thị sinh thái Cửu Long tại xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Theo hợp đồng hợp tác đầu tư, Vinaconex-PVC có trách nhiệm thực hiện góp vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng cho dự án với giá trị dự toán là 36 tỷ VNĐ. Các bên thống nhất phân chia diện tích đầu tư cho các bên theo tỷ lệ giữa SDTC và Vinaconex-PVC là 40/60.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

10. Các đơn vị thành viên

Tên	Địa chỉ	30/6/2010		31/12/2009	
		VND	% sở hữu theo vốn thực góp	VND	% sở hữu theo vốn thực góp
Công ty con					
Công ty Cổ phần Đầu tư Vật liệu Vina-Petro	Tầng 10, tòa nhà CT3-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, thôn Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.	4.900.000.000	87,5%	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Vina-Petro	Tầng 5, tòa nhà CT3-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, thôn Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.	4.900.000.000	75,15%	-	-
Công ty Cổ phần Kiến trúc Vina-Petro	Tầng 10, tòa nhà CT3-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, thôn Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.	1.500.000.000	62,50%	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đông Thành	Thôn Đan Hội, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, Hà Nội, Việt Nam	3.200.000.000	100%	-	-
		<u>14.500.000.000</u>		<u>-</u>	

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VNĐ	Thương hiệu nhượng quyền VNĐ	Chi phí thuê văn phòng VNĐ	Các khoản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu kỳ	6.722.489.322	5.763.287.671	5.927.519	81.674.482	12.573.378.994
Tăng trong kỳ	6.283.827.203	-	-	-	6.283.827.203
Phân bổ trong kỳ	(2.599.360.506)	(147.945.205)	(5.927.519)	(44.521.980)	(2.797.755.210)
Số dư cuối kỳ	10.406.956.019	5.615.342.466	-	37.152.502	16.059.450.987

12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	45.517.480.198	13.447.812.846
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15)	2.765.378.817	-
	48.282.859.015	13.447.812.846

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng Đại Dương với số tiền lần lượt là 47.066 triệu VNĐ và 1.217 triệu VNĐ. Các khoản vay ngắn hạn này không có bảo đảm và chịu lãi suất năm trong khoảng từ 12% đến 15,5% trong cả giai đoạn.

13. Các khoản phải trả – thương mại

Bao gồm trong các khoản phải trả – thương mại có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải trả các công ty liên quan	3.488.847.813	6.887.484.032

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	785.728.353	839.017.187
Thuế thu nhập cá nhân	30.782.575	16.282.600
Thuế khác	-	359.534.738
	<hr/>	<hr/>
	816.510.928	1.214.834.525

15. Vay dài hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay dài hạn		
Vay dài hạn từ Ngân hàng Đại Dương – Khoản vay (a)	7.552.498.409	5.677.878.090
Vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Khoản vay (b)	56.128.806.289	-
	<hr/>	<hr/>
	63.681.304.698	5.677.878.090
Phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12)	(2.765.378.817)	-
	<hr/>	<hr/>
Phải trả sau 12 tháng	60.915.925.881	5.677.878.090

- a. Khoản vay từ Ngân hàng Đại Dương cho nhiều lần giải ngân với hạn mức tín dụng là 13.885 triệu VNĐ trong thời hạn từ 3 đến 5 năm để mua sắm máy móc thiết bị cho việc thi công các công trình xây dựng, được bảo đảm bởi các tài sản hình thành từ khoản vay. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5% một năm và mỗi lần rút vốn được hoàn trả định kỳ, mỗi kỳ sáu tháng, kỳ trả đầu tiên là 6 tháng sau khi giải ngân.
- b. Khoản vay này bao gồm nhiều khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – một công ty liên quan với tổng hạn mức tín dụng là 73.800 triệu VNĐ trong thời hạn từ 5 đến 7 năm với lãi suất năm trong khoảng từ 1% đến 12%. Các khoản vay này không có đảm bảo và mỗi lần rút vốn được hoàn trả định kỳ, mỗi kỳ ba tháng, kỳ trả đầu tiên là 3 tháng sau khi giải ngân.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	3.005.600	30.056.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	3.005.600	30.056.000.000
	5.000.000	50.000.000.000	3.005.600	30.056.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 31/12/2009 VND
Số dư đầu kỳ	30.056.000.000	10.500.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	19.944.000.000	25.556.000.000
Điều chỉnh giảm (*)	-	(6.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	50.000.000.000	30.056.000.000

(*) Trong năm 2008, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Xuất nhập khẩu Việt Nam (“Vinaconex”) đóng góp vốn cổ phần vào Công ty bằng thương hiệu “Vinaconex” với giá trị là 6 tỷ VND. Năm 2009, Vinaconex và Công ty đã thống nhất hoàn nhập khoản vốn góp này do các quy định về kế toán của Việt Nam chưa cho phép ghi nhận việc góp vốn bằng giá trị thương hiệu. Sau đó, Công ty đã ký kết một hợp đồng li-xăng với Vinaconex về việc sử dụng thương hiệu “Vinaconex” trong vòng 20 năm với tổng giá trị hợp đồng là 6 tỷ VND. Thương hiệu “Vinaconex” được ghi nhận là “Thương hiệu nhượng quyền” trong tài khoản Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

17. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	6.513.558.290	-
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.596.861.720	-
▪ Hợp đồng xây dựng	91.430.807.809	5.473.039.976
	<hr/>	<hr/>
	99.541.227.819	5.473.039.976
	<hr/>	<hr/>

18. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2010 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	6.513.558.290	-
▪ Hợp đồng xây dựng	80.746.652.688	5.797.246.607
	<hr/>	<hr/>
	87.260.210.978	5.797.246.607
	<hr/>	<hr/>

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.627.106.949	77.926.735
Lãi tiền gửi từ hợp đồng ủy thác vốn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("TCTTCĐK")	905.944.195	-
	<hr/>	<hr/>
	2.533.051.144	77.926.735
	<hr/>	<hr/>

Công ty gửi tiền vào các tài khoản ủy thác với TCTTCĐK và nhận lãi theo hợp đồng ủy thác vốn với họ. Theo các hợp đồng này, TCTTCĐK đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty theo số dư của các tài khoản ủy thác.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

20. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	2.198.413.049	

21. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.193.979.976	-
Chi phí thuế thu nhập	1.193.979.976	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	4.775.919.903	(1.554.558.961)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.193.979.976	(388.639.740)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	388.639.740
	1.193.979.976	-

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế.

22. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 16 tháng 4 năm 2010 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 1.050 triệu VNĐ (7% lợi nhuận thuần của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009).

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND
Giao dịch với các cổ đông		
<i>Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam</i>		
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	25.110.122.417	-
Mua hàng hóa dịch vụ	(1.052.242.727)	-
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex</i>		
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	1.504.818.332	-
Giao dịch với các công ty con		
<i>Công ty CP Đầu tư Vật liệu Vina-Petro</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.596.861.720	-
Mua hàng hóa	(8.313.666.869)	-
<i>Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Vina-Petro</i>		
Bán hàng hóa	6.513.558.290	-
Mua dịch vụ	(8.424.730.318)	-
Giao dịch với các bên liên quan khác		
<i>Thành viên Ban Giám đốc</i>		
Tiền lương và thưởng	659.096.296	199.272.324

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	67.121.790.345	16.238.664.520
Chi phí nhân công và trả lương nhân viên	27.288.467.142	1.748.064.038
Chi phí khấu hao	4.895.948.126	112.671.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.497.932.427	1.171.140.047
Chi phí khác	6.107.638.427	393.694.573

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Hạnh

Người duyệt:



Hoàng Anh Tú
Kế toán trưởng



Trương Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

12-08-2010

VINACONEX